

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST.
Ngày 31-8-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Minh.

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2022/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị V A, sinh năm 1990.

Cư trú tại: ấp N, xã I, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: anh Phạm Khoa Đ, sinh năm 1984.

Cư trú tại: khu phố L, phường Ô, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị V A, anh Đ vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – chị Nguyễn Thị V A trình bày:

Chị và anh Phạm Khoa Đ chung sống với nhau từ năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Trảng Bàng (nay là phường Ô, thị xã Trảng Bàng), tỉnh Tây Ninh. Sau khi cưới vợ chồng chị về chung sống cùng gia đình anh Đ tại khu phố L, phường Ô. Vào năm 2013, vợ chồng chị

về sống tại ấp N, xã I, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đến khoảng năm 2016 thì anh Đ quay về phường Ô sống đến nay. Cuộc sống vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn từ năm 2016, nguyên nhân là do tính tình của vợ chồng không còn phù hợp với nhau, có nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình, thường xuyên gây gổ nhau, không còn hạnh phúc và đã tự ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng phai nhạt. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh Đ.

Về con chung: vợ chồng chị có 01 con chung Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014. Hiện tại cháu H đang sống cùng chị, cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không nợ ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn – anh Phạm Khoa Đ trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị V A về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa vợ, chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về kinh tế gia đình và khoảng cách địa lý do vợ chồng không chung sống chung nhà với nhau. Giữa vợ chồng anh đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không thành, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, nặng nề, tình cảm đã phai nhạt. Nay anh đồng ý ly hôn với chị V A.

Về con chung: vợ chồng anh có 01 con chung Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu H cho chị V A tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng anh không nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V A đối với anh Phạm Khoa Đ. Chị V A được ly hôn anh Đ.

Về con chung: giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014 cho chị Nguyễn Thị V A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: chị V A, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: chị Nguyễn Thị V A và anh Phạm Khoa Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị V A và anh Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Ô, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hạnh phúc nhưng dần phát sinh mâu thuẫn và đã tự ly thân nguyên nhân là do giữa vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình và khoảng cách về địa lý, thường xuyên gây gổ nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị V A yêu cầu ly hôn anh Đ và anh Đ cũng đồng ý ly hôn chị V A.

Xét thấy, chị V A, anh Đ tự nguyện thuận tình ly hôn là phù hợp theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị V A, anh Đ đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V A đối với anh Đ, cho chị V A được ly hôn anh Đ là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung:

Cháu Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014 hiện đang sống cùng chị V A. Khi ly hôn, chị V A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H và anh Huy cũng đồng ý. Trong quá trình giải quyết vụ án, cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống cùng mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị V A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Ghi nhận anh Đ tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu H với mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật là 800.000 (tám trăm nghìn) đồng/tháng.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: chị V A, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: chị V A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng và anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị V A đối với anh Phạm Khoa Đ.

Chị Nguyễn Thị V A được ly hôn anh Phạm Khoa Đ.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014 cho chị Nguyễn Thị V A được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ghi nhận anh Đ tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 05-11-2014 mỗi tháng 800.000 (tám trăm nghìn) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu H thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị V A, anh Đ không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: chị V A, anh Đ trình bày không có nợ chung.

5. Án phí: chị Nguyễn Thị V A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026683 ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị V A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Khoa Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: chị V A, anh Đ có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND phường Ô;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thư